



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA THỦY SẢN

CẨM NANG SINH VIÊN



2009

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA THỦY SẢN**

CẨM NANG SINH VIÊN

2009

MỤC LỤC

- Giới thiệu Trường Đại học Cần Thơ
- Giới thiệu Khoa Thủy sản
- Các Bộ môn và đơn vị trực thuộc
- Hoạt động đào tạo
- Thành tựu nghiên cứu và chuyển giao công nghệ
- Hợp tác quốc tế
- Hoạt động sinh viên
- Ấn phẩm
- Thông tin Thành phố Cần Thơ
- Thông tin Thủy sản Việt Nam
- Các websites thủy sản quan trọng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) được thành lập từ năm 1966. Nhiệm vụ chính của Trường là đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong vùng. Hiện nay, Trường có tổng cộng 12 Khoa và 3 Viện Nghiên cứu:



- 1) Khoa Khoa học tự nhiên
- 2) Khoa Sư phạm
- 3) Khoa Nông nghiệp và Sinh học ứng dụng
- 4) Khoa Công nghệ
- 5) Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông
- 6) Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
- 7) Khoa Luật
- 8) Khoa Thủy sản
- 9) Khoa Khoa học chính trị
- 10) Khoa Dự bị dân tộc.
- 11) Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên
- 12) Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn
- 13) Viện Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ sinh học
- 14) Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng Bằng Sông Cửu Long
- 15) Viện Nghiên cứu biến đổi khí hậu

Trường còn có nhiều Phòng – Ban chức năng hỗ trợ công tác quản lý, đào tạo và công tác sinh viên.

Trường đào tạo 114 chuyên ngành, trong đó có 7 chuyên ngành nghiên cứu sinh, 28 chuyên ngành cao học, 79 ngành bậc đại học và cao đẳng. Trường có trên 1.000 cán bộ giảng dạy. Tổng số sinh viên và học viên của Trường là 39.630, trong đó sinh viên chính qui là 23.765, và học viên sau đại học là 2.666 học viên.

Thông tin chi tiết tại website: <http://www.ctu.edu.vn/>

KHOA THỦY SẢN

Khoa Thủy sản được thành lập năm 1979, trên cơ sở Bộ môn Thủy sản trực thuộc Khoa Nông nghiệp. Năm 1982, Khoa Thủy sản chính thức được thành lập. Trong quá trình phát triển, với nhiều lần tái cơ cấu và tổ chức như trở thành các Bộ môn trực thuộc Khoa Nông nghiệp (1996) hay Viện Khoa học Thủy sản (2001) để phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của từng giai đoạn. Năm 2002, Khoa Thủy sản đã được tái thành lập với nhiệm vụ phát triển qui mô đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành thủy sản Việt Nam, đặc biệt là Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Khoa Thủy sản là một trong những Khoa mạnh của Trường và cũng được xem là đơn vị mạnh hàng đầu của cả nước về lĩnh vực thủy sản. Hiện nay, Khoa có 7 Bộ môn và đơn vị trực thuộc. Tổng số cán bộ là 116 người, trong đó có 41 cán bộ giảng dạy (gồm 3 Phó Giáo sư, 20 tiến sĩ và 21 thạc sĩ). Ngoài ra, Khoa còn có 44 cán bộ làm công tác nghiên cứu khoa học theo các đề tài và dự án, trong số này có 30% có trình độ sau đại học.

Số lượng sinh viên của Khoa hiện nay là 1.650, trong đó có 1.000 sinh viên đại học hệ chính qui, 500 sinh viên hệ vừa làm vừa học, 147 học viên cao học và 14 nghiên cứu sinh.

Bên cạnh việc đào tạo và giảng dạy, với đội ngũ cán bộ mạnh; phương tiện nghiên cứu như phòng thí nghiệm, trạm, trại ngày càng được trang bị hiện đại, đồng bộ; và lợi thế vị trí ở trung tâm của vùng ĐBSCL nơi có tiềm năng thủy sản to lớn, những năm qua Khoa đã không ngừng đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và ứng dụng vào sản xuất, góp phần quan trọng vào phát triển nghề nuôi trồng thủy sản nói riêng và nghề cá nói chung trong vùng và cả nước.

Ban Chủ nhiệm Khoa

Trưởng Khoa:	PGs.Ts. Nguyễn Thanh Phương
Phó trưởng Khoa:	Ts. Trần Thị Thanh Hiền
	PGs.Ts. Trương Quốc Phú
	Ths. Nguyễn Thanh Long

CÁC BỘ MÔN VÀ TRUNG TÂM

Văn Phòng Khoa

Chức năng - nhiệm vụ: Văn phòng Khoa có chức năng hỗ trợ Ban Chủ nhiệm Khoa trong các hoạt động quản lý nhân sự, đào tạo, nghiên cứu, tập huấn, hợp tác, tài chính và các hoạt động khác... của Khoa.

Tổ chức nhân sự: Văn phòng Khoa gồm 15 người: 1 Chánh văn phòng phụ trách chung, 1 Phó Chánh văn phòng phụ trách về tổ chức nhân sự, 1 Thư ký, 1 Trợ lý Giáo vụ, 1 Trợ lý Thiết bị vật tư, 1 Trợ lý Đào tạo sau đại học kiêm Nghiên cứu khoa học, 1 Kế toán, 1 Thủ quỹ, 1 Thủ thư, 1 Văn thư, 4 Tạp vụ, 3 Bảo vệ.



Nhiệm vụ chính: Văn phòng Khoa phụ trách quản lý sinh viên và chương trình đào tạo các ngành/chuyên ngành bậc đại học, cao học và nghiên cứu sinh do Khoa quản lý. Cụ thể hóa và triển khai thực hiện các văn bản, quy định của Bộ, Trường về công tác đào tạo. Chịu trách nhiệm sắp xếp lịch giảng dạy – học tập trong học kỳ. Hỗ trợ xây dựng và theo dõi thực hiện chương trình đào tạo toàn khóa tất cả các ngành nghề đào tạo của Khoa. Quản lý chất lượng giảng dạy; tiến độ và kết quả học tập – rèn luyện của sinh viên. Tiếp xúc và tư vấn sinh viên trong một số hoạt động học tập và sinh hoạt. Văn phòng Khoa hỗ trợ quản lý hoạt động cũng như tài chính các chương trình và đề tài nghiên cứu khoa học các cấp (cấp trường, cấp tỉnh, cấp bộ và hợp tác quốc tế). Hỗ trợ tổ chức và quản lý các khóa tập huấn chuyển giao công nghệ. Quản lý kết quả học tập, đánh giá chất lượng đào tạo, phối hợp thẩm định quy trình đào tạo và đề xuất những thay đổi nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Liên hệ:

Ths. Nguyễn Văn Thường
Chánh Văn phòng Khoa
Email: nvthuong@ctu.edu.vn

CÁC BỘ MÔN VÀ TRUNG TÂM

Bộ môn Thủy sinh học Ứng dụng

Chức năng nhiệm vụ: Nhiệm vụ của Bộ môn là giảng dạy và nghiên cứu các lĩnh vực cơ sở như môi trường nước, sinh thái thủy sinh vật, hình thái giải phẫu, biến động quần thể thủy sinh vật...

Tổ chức: Bộ môn có 11 cán bộ trong đó có 6 giảng viên (1 Phó Giáo sư, 1 tiến sĩ, 4 thạc sĩ).



Đào tạo: Bộ môn phụ trách các môn cơ sở như Quản lý chất lượng nước, Động và Thực vật thủy sinh, Hình thái và phân loại động vật không xương sống và có xương sống, Các hệ sinh thái thủy vực, Sinh thái thủy sinh vật, Nuôi thức ăn tự nhiên,... cho các ngành thủy sản ở bậc đại học và cao học như Nuôi trồng thủy sản, Bệnh học thủy sản và Sinh học biển.

Nghiên cứu khoa học: Nghiên cứu được tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực như đánh giá và quản lý chất lượng nước, đánh giá tác động môi trường từ các hoạt động nuôi thủy sản, nguồn lợi thủy sinh vật, biến động quần thể thủy sinh vật, đa dạng sinh học, các quy trình gây nuôi thức ăn tự nhiên...

Tập huấn: Bộ môn thường tổ chức các lớp tập huấn theo yêu cầu. Các lớp tập huấn được tổ chức bao gồm phân tích và quản lý chất lượng nước trong ao nuôi tôm/cá, phân loại thực vật và động vật thủy sinh, kỹ thuật phân lập và nuôi cấy, các quy trình nuôi thức ăn tự nhiên,...

Cơ sở vật chất: Bộ môn có các phòng thí nghiệm như phòng phân tích chất lượng nước, phòng sinh vật nổi và đáy, các phòng thí nghiệm phân lập và gây nuôi thức ăn tự nhiên.

Liên hệ:

Ts. Vũ Ngọc Út

Trưởng Bộ môn Thủy sinh học ứng dụng

Email: vnut@ctu.edu.vn

CÁC BỘ MÔN VÀ TRUNG TÂM

Bộ môn Sinh học & Bệnh Thủy sản

Chức năng - nhiệm vụ: Nhiệm vụ của Bộ môn là thực hiện giảng dạy, nghiên cứu và phổ biến kỹ thuật chuyên môn liên quan đến sinh học và bệnh học thủy sản cho sinh viên.

Tổ chức: Bộ môn có 9 giảng viên và 4 nghiên cứu viên. Trong đó có 1 Phó Giáo sư, 3 tiến sĩ, 5 thạc sĩ và 2 kỹ sư.



Đào tạo: Bộ môn giảng dạy các môn về quản lý dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản cho sinh viên đại học các ngành như Nuôi trồng thủy sản, Nông học, Quản lý nghề cá, Sinh học biển. Giảng dạy các môn học chuyên sâu về bệnh động vật thủy sản cho sinh viên chuyên ngành Bệnh học thủy sản. Giảng dạy môn Quản lý dịch bệnh thủy sản cho cao học Nuôi trồng thủy sản.

Nghiên cứu khoa học: Các nghiên cứu tập trung vào sinh học và bệnh học ở động vật thủy sản, và ứng dụng công nghệ sinh học trong nuôi trồng thủy sản. Các nghiên cứu đi sâu vào các vấn đề về dịch tễ học, phát triển phương pháp chẩn đoán, nghiên cứu phương pháp phòng trị và quản lý bệnh hiệu quả.

Tập huấn: Các khóa tập huấn ngắn hạn với các nội dung liên quan đến kỹ thuật chẩn đoán, phòng và trị bệnh thủy sản như: xét nghiệm WSSV, YHV, GAV trên tôm sú bằng kỹ thuật hiện đại như PCR, mRT-PCR. Chẩn đoán, phân lập, định danh mầm bệnh trên tôm cá bằng kỹ thuật mô học, sinh hóa, KIT, kháng sinh đồ.

Cơ sở vật chất: Bộ môn được trang bị một hệ thống phòng thí nghiệm hiện đại và hoàn chỉnh phục vụ nghiên cứu về ký sinh trùng, vi khuẩn, mô bệnh học, sinh học phân tử và miễn dịch học ở động vật thủy sản. Ngoài ra còn có hệ thống phòng thí nghiệm cảm nhiễm.

Liên hệ:

Ts. Đặng Thị Hoàng Oanh
Trưởng Bộ môn Sinh học và Bệnh học thủy sản
Email: dthoanh@ctu.edu.vn

CÁC BỘ MÔN VÀ TRUNG TÂM

Bộ môn Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt

Chức năng - nhiệm vụ: Nhiệm vụ của Bộ môn là giảng dạy, nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật nuôi các đối tượng thủy sản nước ngọt.

Tổ chức: Bộ môn có 15 cán bộ (5 cán bộ giảng dạy và 7 cán bộ nghiên cứu), trong đó có 5 tiến sĩ, 3 thạc sĩ.

Đào tạo: Bộ môn giảng dạy các môn về kỹ thuật sản xuất giống và nuôi các loài thủy sản nước ngọt cho sinh viên và học viên cao học.



Nghiên cứu khoa học: đã nghiên cứu được các qui trình sinh sản nhân tạo các loài cá có giá trị kinh tế như: Cá tra, Basa, Rô đồng, Sặc rằn, Lóc bông, Lóc đen, Bống tượng, Cá kết, cá leo, Chạch lấu... và các nghiên cứu về ứng dụng các kỹ thuật nâng cao năng suất, hiệu quả các mô hình nuôi.

Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật: Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, chuyển giao kỹ thuật ngắn hạn cho học viên trong và ngoài nước về:

- Các hệ thống nuôi thủy sản kết hợp: VAC, lúa-cá...
- Nuôi cá thâm canh trong ao đất và trong lồng bè
- Kỹ thuật sản xuất giống các loài cá nước ngọt (tra, bống tượng, thát lát, trê, lóc, rô đồng, sặc rằn,...)
- Tham quan học tập các mô hình nuôi thủy sản phát triển bền vững ở vùng ĐBSCL.

Cơ sở vật chất: Bao gồm 2 trại thực nghiệm thủy sản nước ngọt được thiết kế và trang bị các trang thiết bị phù hợp cho việc sinh sản các đối tượng cá nước ngọt.

Liên hệ:

Ts. Dương Nhựt Long
Trưởng Bộ môn Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt
Email: dnlong@ctu.edu.vn

CÁC BỘ MÔN VÀ TRUNG TÂM

Bộ môn Kỹ thuật nuôi Hải sản

Chức năng - nhiệm vụ: Bộ môn KTN Hải sản có nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật về sản xuất giống và nuôi thủy sản nước lợ.

Tổ chức: Bộ môn có 12 cán bộ, trong đó có 4 giảng viên. Hiện nay, Bộ môn có 3 cán bộ là tiến sĩ, 4 nghiên cứu sinh và 3 thạc sĩ.



Đào tạo: Bộ môn giảng dạy các môn học cho bậc đại học như: Sản xuất giống và nuôi giáp xác; Sản xuất giống và nuôi cá biển; Kỹ thuật nuôi động vật thân mềm; Kỹ thuật trồng rong biển. Bộ môn cũng giảng dạy các môn Kỹ thuật nuôi thủy sản ven biển cho Cao học.

Nghiên cứu khoa học: lĩnh vực nghiên cứu chính của Bộ môn là nghiên cứu ứng dụng nhằm phát triển các kỹ thuật sản xuất giống và nuôi các loài thủy sản nước lợ và nuôi biển như tôm sú, tôm càng xanh, cua biển, cá đối, cá nâu, cá ngát, cá chình, hàu, ốc len...

Tập huấn: Bộ môn thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn – chuyển giao kỹ thuật như sau:

- Sản xuất giống tôm sú, tôm càng xanh và cua biển áp dụng các qui trình khác nhau.
- Nuôi tôm biển và tôm càng xanh
- Các khóa tham quan – học tập nuôi thủy sản nước lợ ĐBSCL.

Cơ sở vật chất: Bộ môn quản lý 3 trại nước lợ phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật.

Liên hệ:

Ts. Trần Ngọc Hải

Trưởng Bộ môn Kỹ thuật nuôi Hải sản

Email: tnhai@ctu.edu.vn

CÁC BỘ MÔN VÀ TRUNG TÂM

Bộ môn Quản lý & Kinh tế Nghề cá

Chức năng - nhiệm vụ: Bộ môn có nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu về các lĩnh vực như Khai thác thủy sản, Đánh giá nguồn lợi thủy sản, Kinh tế - Xã hội nghề cá và Quản lý nghề cá.

Tổ chức: Bộ môn có 15 cán bộ, trong đó có 7 giảng viên. Bộ môn hiện có 4 tiến sĩ, 3 nghiên cứu sinh, 2 thạc sĩ, 3 đang học cao học.



Đào tạo: Bộ môn giảng dạy các môn học như Đánh giá nguồn lợi thủy sản, Quản lý nghề cá, Kinh tế tài nguyên thủy sản, Kinh tế thủy sản, Qui hoạch và phát triển nghề cá và Kỹ thuật khai thác thủy sản cho sinh viên đại học. Ngoài ra Bộ môn còn đảm trách giảng dạy các môn học thuộc lĩnh vực Nguồn lợi thủy sản và Kinh tế - Xã hội nghề cá cho học viên cao học.

Nghiên cứu khoa học: Các nghiên cứu tập trung vào các lĩnh vực đa dạng nguồn lợi thủy sản, đánh giá nguồn lợi thủy sản, quản lý nghề cá, sinh học của một số loài cá, quản lý tổng hợp vùng ven biển, kỹ thuật khai thác thủy sản, kinh tế - xã hội nghề cá.

Tập huấn: Bộ môn đảm nhận các khóa tập huấn gồm: Khảo sát nguồn lợi thủy sản; đánh giá nguồn lợi thủy sản; thu thập và phân tích số liệu nghề cá; qui hoạch và quản lý khai thác và nuôi trồng thủy sản; quản lý trại nuôi thủy sản.

Cơ sở vật chất: Bộ môn có 2 phòng thí nghiệm là Phòng thực tập khai thác thủy sản và Phòng sinh học, một phòng trưng bày mẫu vật các loài thủy sản thu được ở Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Liên hệ:

Ts. Trần Đắc Định

Trưởng Bộ môn Quản lý và Kinh tế nghề cá

Email: tddinh@ctu.edu.vn

CÁC BỘ MÔN VÀ TRUNG TÂM

Bộ môn Dinh dưỡng & Chế biến Thủy sản

Chức năng - nhiệm vụ: Nhiệm vụ của Bộ môn là giảng dạy và nghiên cứu về sinh lý, dinh dưỡng và chế biến thủy sản.

Tổ chức: Bộ môn có 14 cán bộ, trong đó có 7 cán bộ giảng dạy. Bộ môn có 1 Phó Giáo sư, 2 tiến sĩ và 3 thạc sĩ.



Đào tạo: Bộ môn giảng dạy các môn học Sinh lý học, Dinh dưỡng và Độc chất học cho các ngành Nuôi trồng và bệnh học Thủy sản; các môn Kỹ thuật đồ hộp thủy sản, Kỹ thuật lạnh và lạnh đông sản phẩm thủy sản, Sinh và Hóa học thực phẩm Thủy sản,... cho ngành Chế biến thủy sản bậc đại học và cao học.

Nghiên cứu khoa học: Các lĩnh vực nghiên cứu gồm sinh lý học động vật thủy sản, dinh dưỡng và thức ăn cho động vật thủy sản, phân tích dư lượng hóa chất và thuốc thú y trong động vật thủy sản và các mẫu môi trường; phương pháp bảo quản và tồn trữ sản phẩm chế biến thủy sản; phương pháp chế biến các sản phẩm giá trị gia tăng, kỹ thuật đồ hộp,...

Tập huấn: Bộ môn thường xuyên mở các khóa tập huấn ngắn hạn về dinh dưỡng và thức ăn và sinh lý học cho động vật thủy sản, kỹ thuật phân tích dư lượng thuốc và hóa chất; và kỹ thuật lạnh đông các sản phẩm thủy sản.

Cơ sở vật chất: Bộ môn quản lý 4 phòng thí nghiệm bao gồm: PTN Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản, PTN Sinh lý động vật thủy sản, PTN An toàn thực phẩm thủy sản và PTN Công nghệ chế biến sản phẩm thủy sản, cùng với hệ thống các trại thí nghiệm.

Liên hệ:

Ts. Đỗ Thị Thanh Hương
Trưởng Bộ môn Dinh dưỡng và Chế biến thủy sản
Email: dtthuong@ctu.edu.vn

CÁC BỘ MÔN VÀ TRUNG TÂM

Trung tâm Ứng dụng & Chuyên giao công nghệ Thủy sản

Chức năng - nhiệm vụ: Nhiệm vụ chính của Trung tâm là tập huấn - chuyển giao các quy trình công nghệ nuôi thủy sản cho học viên trong nước và quốc tế.

Tổ chức: Trung tâm có 10 cán bộ, trong đó có 1 tiến sĩ và 3 thạc sĩ.

Đào tạo: Trung tâm tham gia giảng dạy cho bậc đại học và cao học một số môn như Công trình và Thiết bị thủy sản, Sinh học quần thể, Tiếng Anh chuyên ngành thủy sản.



Nghiên cứu khoa học: Thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu về sinh học, nuôi và sử dụng Artemia trong nuôi trồng thủy sản. Ngoài ra, Trung tâm còn nghiên cứu sản xuất giống và nuôi thịt các loài thủy đặc sản nước lợ mặn như tôm sú, tôm càng xanh, cua biển.

Tập huấn: Trung tâm mở các khóa tập huấn cho người dân địa phương hoặc quốc tế như sau:

- Nuôi và sử dụng Artemia trong nuôi trồng thủy sản
- Sản xuất giống tôm sú (*Penaeus monodon*), đặc biệt ứng dụng hệ thống lọc tuần hoàn.

Cơ sở vật chất: TTƯĐ&CGCNTS có một trại nước lợ ở Vĩnh Châu (Tỉnh Sóc Trăng), cùng các phòng thực nghiệm dành cho công tác đào tạo cũng như chuyển giao công nghệ.

Liên hệ:

Ts. Nguyễn Văn Hòa
Giám đốc Trung tâm ƯĐ&CGCNTS
Email: nvhoa@ctu.edu.vn

- **Mục tiêu:** Đào tạo kỹ sư có chuyên môn sâu về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản như sản xuất giống và nuôi các đối tượng thủy sản nước ngọt và nước lợ (giáp xác, nhuyễn thể, cá nước ngọt, cá biển); có kỹ năng nghiên cứu, ứng dụng, thực hành sản xuất và quản lý cơ sở nuôi trồng thủy sản.



- **Khối thi tuyển sinh:** khối B
- **Tổng số tín chỉ của khóa học:** 136 tín chỉ
- **Danh hiệu khoa học:** Kỹ sư Nuôi trồng thủy sản
- **Các khối kiến thức:**
 - Khối kiến thức cơ bản: gồm các môn Toán học, Hóa học, Sinh học, Tin học, Anh văn
 - Khối kiến thức cơ sở: gồm các môn Sinh lý động vật thủy sản, Quản lý chất lượng nước, Vi sinh đại cương, Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản, Di truyền...
 - Khối kiến thức chuyên môn: Sản xuất giống cá nước ngọt, Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt, Sản xuất giống và nuôi giáp xác, Sản xuất giống và nuôi cá biển, Bệnh học thủy sản, ...
 - Khối kiến thức bổ trợ: Thống kê và phương pháp nghiên cứu khoa học, Kinh tế thủy sản...
 - Đề tài tốt nghiệp

• **Chương trình khuyến khích ngành Nuôi trồng thủy sản**

TT	MSMH	Tên môn học	Số TC
Học kỳ 1: 15 tín chỉ bắt buộc (BB)			
1	ML009	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2
2	QP001	Giáo dục quốc phòng	6
3	TN007	Toán nông nghiệp	3
4	XH023	Anh văn căn bản 1	4
5	XH004	Pháp văn căn bản 1	
Học kỳ 2: 18 tín chỉ BB			
1	ML010	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3
2	XH024	Anh văn căn bản 2	3
3	XH005	Pháp văn căn bản 2	
4	TN033	Tin học căn bản	1
5	TN034	TT. Tin học căn bản	2
6	TN026	Sinh học đại cương A1-NN	2
7	TN027	TT. Sinh học đại cương A1-NN	1
8	TN021	Hóa vô cơ & hữu cơ đại cương	2
9	TN022	TT. Hóa vô cơ & hữu cơ đại cương	1
10	TC000	Giáo dục thể chất	1
11	ML008	Xã hội học đại cương	2
Học kỳ 3: 19 tín chỉ BB			
1	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
2	XH025	Anh văn căn bản 3	3
3	XH006	Pháp văn căn bản 3	
4	TN029	Sinh học đại cương A2-NN	2
5	TN030	TT. Sinh học đại cương A2-NN	1
6	TN010	Xác suất thống kê	3
7	TN023	Hóa phân tích đại cương	2
8	TN024	TT.Hóa phân tích đại cương	1
9	NN123	Sinh hóa B	2
10	NN124	TT. Sinh hóa B	1
11	KL001	Pháp luật đại cương	2
Học kỳ 4: 18 tín chỉ BB + ... TC			
1	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3
2	TC013	Bơi lội	1
3	TS101	Thủy sinh vật 1	3
4	TS102	Thủy sinh vật 2	2
5	TS103	Ngư nghiệp đại cương	2
6	TS104	Sinh thái thủy sinh vật	2
7	TS106	Sinh lý động vật thủy sản A	3
8	KT001	Kinh tế học đại cương	2
Học kỳ 5: 14 tín chỉ BB + TC			
1	TS105	Quản lý CL nước ao nuôi thủy sản	3
2	TS146	Vì sinh đại cương B - Thủy sản	2
3	TS107	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản	3

4	TS110	TT GT Cơ sở thủy sản	4
5	TS109	Phương pháp thí nghiệm - TS	2
Học kỳ 6: 13 tín chỉ BB + TC			
1	TS301	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	2
2	TS303	Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt	2
3	TS147	Phương pháp NCKH - Thủy sản	2
4	TS108	Di truyền và chọn giống thủy sản	2
5	TS306	TTGT nước ngọt	5
Học kỳ 7: 15 tín chỉ BB + TC			
1	TS302	KT sản xuất giống và nuôi giáp xác	3
2	TS335	KT sản xuất giống và nuôi cá biển	2
3	TS308	Kinh tế thủy sản	2
4	TS305	Quản lý dịch bệnh thủy sản	3
5	TS306	TT GT nước lợ	5
Học kỳ 8: 10 tín chỉ			
1	TS323	Tổng hợp kiến thức cơ sở-NTTS	10
2	TS324	Tổng hợp kiến thức KT-NTTS	
3	TS322	Tiểu luận tốt nghiệp-NTTS	
4	TS325	Luận văn tốt nghiệp-NTTS	10

CÁC MÔN TỰ CHỌN CHO HỌC KỲ 4 VÀ 5 (sinh viên chọn 3 tín chỉ)			
1	TS111	PP nghiên cứu sinh học cá	2
2	TS309	Kỹ thuật nuôi thức ăn tự nhiên	2
3	TS114	Động vật không xương sống biển	2
4	TS115	Động vật có xương sống biển	2
5	TS113	Anh văn chuyên môn NTTS	2
6	TS139	Tảo độc	1
7	TS116	Phương pháp lãnh đạo	1
8	TS112	Vì sinh vật hữu ích	1
CÁC MÔN TỰ CHỌN CHO HỌC KỲ 6 VÀ 7 (sinh viên chọn 11 tín chỉ)			
1	TS310	Kỹ thuật nuôi cá cảnh & Thủy đặc sản	2
2	TS311	Quy hoạch và phát triển nghề cá	2
3	TS312	Khai thác thủy sản đại cương	2
4	TS313	KT nuôi động vật thân mềm	2
5	TS314	Dịch tễ học và QL dịch bệnh tổng hợp	2
6	TS315	Thuốc và hóa chất trong thủy sản	2
7	TS316	Xây dựng, thẩm định và QT dự án PT	2
8	TS320	Công trình và thiết bị thủy sản	2
9	TS317	Kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm TS	1
10	TS318	Kỹ thuật trồng rong biển	1
11	TS321	Khuyến ngư và giao tiếp	1

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ngành Bệnh học thủy sản

- **Mục tiêu:** Đào tạo kỹ sư có chuyên môn về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, chuyên sâu về bệnh động vật thủy sản; có kỹ năng nghiên cứu, thực hành và quản lý ở các cơ sở sản xuất thủy sản.
- **Khối thi tuyển sinh:** khối B
- **Tổng số tín chỉ:** 136 tín chỉ
- **Danh hiệu khoa học:** Kỹ sư ngành Bệnh học thủy sản
- **Các khối kiến thức:**
 - Khối kiến thức cơ bản: gồm các môn Toán học, Hóa học, Sinh học, Tin học, Anh văn
 - Khối kiến thức cơ sở: gồm các môn Sinh lý động vật thủy sản, Quản lý chất lượng nước, Vi sinh đại cương, Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản, Di truyền...
 - Khối kiến thức nuôi thủy sản: Sản xuất giống cá nước ngọt, Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt, Sản xuất giống và nuôi giáp xác, Sản xuất giống và nuôi cá biển
 - Khối kiến thức chuyên môn bệnh học thủy sản: Phương pháp chẩn đoán bệnh động vật thủy sản, Bệnh truyền nhiễm, Bệnh không truyền nhiễm, Quản lý tổng hợp sức khỏe động vật thủy sản; Độc tố học
 - Khối kiến thức bổ trợ: Thống kê và phương pháp nghiên cứu khoa học, Kinh tế thủy sản...
 - Đề tài tốt nghiệp



• **Chương trình khuyến khích ngành Bệnh học thủy sản**

TT	MSMH	Tên môn học	Số TC
Học kỳ 1: 15 tín chỉ (15 BB)			
1	ML009	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2
2	QP001	Giáo dục quốc phòng	6
3	XH023	Anh văn căn bản 1	4
4	XH004	Pháp văn căn bản 1	
5	TN007	Toán nông nghiệp	3
Học kỳ 2: 18 tín chỉ BB			
1	ML010	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3
2	XH024	Anh văn căn bản 2	3
3	XH005	Pháp văn căn bản 2	
4	TN033	Tin học căn bản	1
5	TN034	TT. Tin học căn bản	2
6	TN026	Sinh học đại cương A1-NN	2
7	TN027	TT. Sinh học đại cương A1-NN	1
8	TN021	Hóa vô cơ & hữu cơ đại cương	2
9	TN022	TT. Hóa vô cơ & hữu cơ đại cương	1
10	TC000	Giáo dục thể chất	1
11	ML008	Xã hội học đại cương	2
Học kỳ 3: 19 tín chỉ BB			
1	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
2	XH025	Anh văn căn bản 3	3
3	XH006	Pháp văn căn bản 3	
4	TN029	Sinh học đại cương A2-NN	2
5	TN030	TT. Sinh học đại cương A2-NN	1
6	TN010	Xác suất thống kê	3
7	TN023	Hóa phân tích đại cương	2
8	TN024	TT. Hóa phân tích đại cương	1
9	NN123	Sinh hóa B	2
10	NN124	TT. Sinh hóa B	1
11	KL001	Pháp luật đại cương	2
Học kỳ 4: 17 tín chỉ BB + ... TC			
1	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3
2	TC013	Bơi lội	1
3	TS101	Thủy sinh vật 1	3
4	TS145	Vi sinh đại cương A - Thủy sản	3
5	TS119	Sinh học phân tử đại cương	3
6	TS103	Ngư nghiệp đại cương	2
7	KT001	Kinh tế học đại cương	2
Học kỳ 5: 13 tín chỉ BB + TC			
1	TS105	Quản lý chất lượng nước ao nuôi Thủy sản	3
2	TS117	Sinh lý Động vật Thủy sản B	2
3	TS118	Dinh dưỡng và thức ăn Thủy sản B	2

4	TS108	Di truyền và chọn giống thủy sản	2
5	TS109	Phương pháp thí nghiệm - TS	2
6	TS147	Phương pháp NCKH - Thủy sản	2
Học kỳ 6: 16 tín chỉ BB + TC			
1	TS301	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	2
2	TS302	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác	3
3	TS315	Thuốc và hoá chất thủy sản	2
4	TS330	Thực tập giáo trình nuôi thủy sản	4
5	TS 326	Nguyên lý và kỹ thuật chẩn đoán bệnh thủy sản	3
6	TS329	Bệnh không truyền nhiễm	2
Học kỳ 7: 15 tín chỉ BB + TC			
1	TS327	Bệnh truyền nhiễm 1 (nấm và kst)	2
2	TS328	Bệnh truyền nhiễm 2 (vk và virus)	3
3	TS314	Dịch tễ học và quản lý dịch bệnh tổng hợp	2
4	TS331	Thực tập giáo trình bệnh học 1	3
5	TS332	Thực tập giáo trình bệnh học 2	5
Học kỳ 8: 10 tín chỉ			
1	TS341	Tổng hợp kiến thức bệnh-BHTS	10
2	TS342	Tổng hợp kiến thức KTN T.Sản	
3	TS340	Tiểu luận tốt nghiệp - BHTS	
4	TS343	Luận văn tốt nghiệp - BHTS	
CÁC MÔN TỰ CHỌN CHO HỌC KỲ 4 VÀ 5 (sinh viên chọn 3 tín chỉ)			
1	TS111	PP nghiên cứu sinh học cá	2
2	TS 126	Anh văn chuyên môn BHTS	2
3	TS 104	Sinh thái thủy sinh vật	2
4	TS 317	Kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm thủy sản	1
5	TS116	Phương pháp lãnh đạo	1
6	TS 102	Thủy sinh vật 2	2
CÁC MÔN TỰ CHỌN CHO HỌC KỲ 6 VÀ 7 (sinh viên chọn 10 tín chỉ)			
1	TS333	Độc chất học thủy vực	2
2	TS 335	KT sản xuất giống và nuôi cá biển	2
3	TS 311	Qui hoạch phát triển nghề cá	3
4	TS 309	KT nuôi thức ăn tự nhiên	2
5	TS 308	Kinh tế thủy sản	2
6	TS 313	Kỹ thuật nuôi động vật thân mềm	2
7	TS 310	KT nuôi cá cảnh và thủy đặc sản	2
8	TS 303	KT sản xuất giống cá nước ngọt	2
9	TS 316	Xây dựng, thẩm định và quản trị dự án phát triển	3
10	TS 334	Dược liệu thủy sản	1
11	TS 112	Vi sinh vật hữu ích	1
12	TS 320	Công trình & thiết bị TS	2
13	TS 321	Khuyến ngư giao tiếp	1

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Chuyên ngành Chế biến thủy sản

- **Mục tiêu:** Đào tạo kỹ sư chuyên sâu trong lĩnh vực chế biến thủy sản như nguyên liệu chế biến, công nghệ và thiết bị chế biến, bảo quản và an toàn vệ sinh sản phẩm thủy sản; có kỹ năng nghiên cứu, sản xuất và quản lý các cơ sở chế biến thủy sản.



- **Khối thi tuyển sinh:** khối A
- **Tổng số tín chỉ:** 136 tín chỉ
- **Danh hiệu khoa học:** Kỹ sư ngành Chế biến thủy sản
- **Các khối kiến thức:**
 - Khối kiến thức cơ bản: gồm các môn Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học, Anh văn
 - Khối kiến thức cơ sở: Vi sinh thủy sản, Lý hóa học thực phẩm, Phân tích thực phẩm, Nguyên liệu chế biến
 - Khối kiến thức chuyên môn: Thiết bị và công nghệ chế biến thực phẩm, Công nghệ lạnh, Công nghệ đồ hộp, Sản phẩm truyền thống, Sản phẩm giá trị gia tăng, Phụ phẩm...
 - Khối kiến thức bổ trợ: Thống kê và phương pháp nghiên cứu khoa học, Quản trị doanh nghiệp, Marketing sản phẩm thủy sản...
 - Đề tài tốt nghiệp

• **Chương trình khuyến khích chuyên ngành Chế biến thủy sản**

TT	MSMH	Tên môn học	Số TC
Học kỳ 1: 16 tín chỉ (16 BB)			
1	ML009	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2
2	QP001	Giáo dục quốc phòng	6
3	XH023	Anh văn căn bản 1	4
4	XH004	Pháp văn căn bản 1	
5	TN006	Toán cao cấp A	4
Học kỳ 2: 18 tín chỉ (18 BB)			
1	ML010	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3
2	XH024	Anh văn căn bản 2	3
3	XH005	Pháp văn căn bản 2	
4	TN033	Tin học căn bản	1
5	TN034	TT. Tin học căn bản	2
6	TN014	Cơ và nhiệt đại cương	2
7	TN015	TT. Cơ và nhiệt đại cương	1
8	TN021	Hóa vô cơ & hữu cơ đại cương	2
9	TN022	TT. Hóa vô cơ & hữu cơ đại cương	1
10	TC000	Giáo dục thể chất	1
11	ML008	Xã hội học đại cương	2
Học kỳ 3: 18 tín chỉ (18 BB)			
1	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
2	XH001	Anh văn căn bản 3	3
3	XH006	Pháp văn căn bản 3	
4	TN031	Sinh học đại cương B	2
5	TN010	Xác suất thống kê	3
6	TN023	Hóa phân tích đại cương	2
7	TN024	TT.Hóa phân tích đại cương	1
8	NN123	Sinh hóa B	2
9	NN124	TT. Sinh hóa B	1
10	KT001	Kinh tế học đại cương	2
Học kỳ 4: 16 tín chỉ BB và tự chọn			
1	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3
2	TC013	Bơi lội	1
3	CN140	Nhiệt kỹ thuật	2
4	KL001	Pháp luật đại cương	2
5	TS125	Vì sinh thực phẩm thủy sản	3
6	NN148	Hoá sinh học thực phẩm	3
7	TS130	Nguyên liệu chế biến thủy sản	3
Học kỳ 5: 18 tín chỉ BB vàtự chọn			
1	TS127	Quá trình & thiết bị CNTP	4
2	NN152	Vật lý học thực phẩm	2
3	TS128	Hóa học thực phẩm thủy sản	3
4	TS129	Phân tích thực phẩm thủy sản	3
5	TS131	TTGT cơ sở chế biến thủy sản	4

Học kỳ 6: 14 tín chỉ và tự chọn			
1	TS361	Nguyên lý bảo quản & chế biến TS	2
2	TS362	Công nghệ CB đồ hộp thủy sản	2
3	TS363	Công nghệ chế biến lạnh thủy sản	2
4	TS364	Công nghệ CBSP truyền thống	2
5	TS365	Phụ gia chế biến thủy sản	2
6	TS372	TTGiáo trình chuyên ngành CBTS 1	4
Học kỳ 7: 13 tín chỉ BB vàtự chọn			
1	TS350	Quản lý chất lượng sản phẩm TS	3
2	TS380	Quản trị doanh nghiệp thủy sản	2
3	TS366	TTGiáo trình chuyên ngành CBTS 2	4
4	TS109	Phương pháp thí nghiệm - Thủy sản	2
5	TS147	Phương pháp NCKH - Thủy sản	2
Học kỳ 8: 10 tín chỉ			
1	TS373	Tổng hợp kiến thức cơ sở - CBTS	10
2	TS374	Tổng hợp kiến thức KT - CBTS	
3	TS375	Tiểu luận tốt nghiệp - CBTS	
4	TS376	Luận văn tốt nghiệp - CBTS	10

CÁC MÔN TỰ CHỌN CHO HỌC KỲ 4 VÀ 5 (sinh viên chọn 6 tín chỉ)			
1	NN155	Hình họa - Vẽ kỹ thuật CNTP	2
2	TS346	Nuôi trồng thủy sản	3
3	TS345	Khai thác thủy sản	3
4	NN207	Dinh dưỡng người	2
5	NN209	An toàn & ô nhiễm trong SX thực phẩm	1
6	CN386	Nước cấp, nước thải kỹ nghệ	1
CÁC MÔN TỰ CHỌN CHO HỌC KỲ 6 VÀ 7 (sinh viên chọn 8 tín chỉ)			
1	NN226	Bao bì thực phẩm	2
2	TS367	Công nghệ chế biến rong biển	2
3	TS368	Công nghệ CB dầu, bột cá & TDPL	2
4	TS345	Marketing thủy sản	3
5	TS369	Chế biến sản phẩm giá trị gia tăng	2
6	NN227	Phát triển sản phẩm mới	2
7	TS370	Máy & thiết bị lạnh	2
8	TS371	Máy chế biến thủy sản	2
9	TS149	Công nghệ sinh học trong CBTS	2
10	TS334	Được liệu thủy sản	1
11	TS116	Phương pháp lãnh đạo	1

- **Mục tiêu:** Đào tạo kỹ sư thủy sản có chuyên môn sâu trong lĩnh vực sinh học biển như đa dạng sinh vật biển, môi trường biển, quản lý và bảo tồn sinh vật biển, sản xuất giống và nuôi trồng các loài hải sản bao gồm cá biển, giáp xác, nhuyễn thể, rong biển; có kỹ năng nghiên cứu, thực hành sản xuất và quản lý ở các cơ sở sản xuất và bảo tồn biển.
- 
- **Khối thi tuyển sinh:** khối B
 - **Tổng số tín chỉ:** 136 tín chỉ
 - **Danh hiệu khoa học:** Kỹ sư Nuôi trồng thủy sản - chuyên ngành Sinh học biển
 - **Các khối kiến thức:**
 - Khối kiến thức cơ bản: gồm các môn Toán học, Hóa học, Sinh học, Tin học, Anh văn
 - Khối kiến thức sinh học biển: Môi trường biển, Động vật và thực vật biển, Sinh thái biển, Đa dạng sinh học biển và bảo tồn, Đánh giá và bảo tồn nguồn lợi biển...
 - Khối kiến thức nuôi biển: Nuôi cá biển, Giáp xác, nhuyễn thể, rong biển
 - Khối kiến thức bổ trợ: Thống kê, Phương pháp nghiên cứu khoa học, Kinh tế nguồn lợi thủy sản
 - Đề tài tốt nghiệp

• **Chương trình khuyến khích chuyên ngành Sinh học biển**

TT	MSMH	Tên môn học	Số TC
Học kỳ 1: 15 tín chỉ (15 BB)			
1	ML009	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2
2	QP001	Giáo dục quốc phòng	6
3	TN007	Toán nông nghiệp	3
4	XH023	Anh văn căn bản 1	4
5	XH004	Pháp văn căn bản 1	
Học kỳ 2: 20 tín chỉ BB			
1	ML010	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3
2	TN033	Tin học căn bản	1
3	TN034	TT. Tin học căn bản	2
4	TN026	Sinh học đại cương A1-NN	2
5	TN027	TT. Sinh học đại cương A1-NN	1
6	TN021	Hóa vô cơ & hữu cơ đại cương	2
7	TN022	TT. Hóa vô cơ & hữu cơ đại cương	1
8	TC000	Giáo dục thể chất	1
9	KL001	Pháp luật đại cương	2
10	ML008	Xã hội học đại cương	2
11	XH024	Anh văn căn bản 2	3
12	XH005	Pháp văn căn bản 2	
Học kỳ 3: 19 tín chỉ BB			
1	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
2	TN029	Sinh học đại cương A2-NN	2
3	TN030	TT. Sinh học đại cương A2-NN	1
4	TN010	Xác suất thống kê	3
5	TN023	Hóa phân tích đại cương	2
6	TN024	TT. Hóa phân tích đại cương	1
7	NN123	Sinh hóa B	2
8	NN124	TT. Sinh hóa B	1
9	KT001	Kinh tế học đại cương	2
10	XH025	Anh văn căn bản 3	3
11	XH006	Pháp văn căn bản 3	
Học kỳ 4: 17 tín chỉ BB vàTC			
1	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3
2	TC013	Bơi lội	1
3	TS103	Ngư nghiệp đại cương	2
4	TS138	Hải dương học	3
5	TS117	Sinh lý động vật thủy sản B	2
6	TS118	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản B	2
7	NN111	Phương pháp NCKH - Thủy sản	2
8	TS389	Thực vật biển	2
Học kỳ 5: 14 tín chỉ BB vàTC			
1	TS114	Động vật không xương sống biển	2

2	TS115	Động vật có xương sống biển	2
3	TS390	Sinh học biển	3
4	TS391	Các hệ sinh thái biển	2
5	TS383	Đa dạng & bảo tồn SV biển	2
6	TS139	Di truyền và tiến hóa SV biển	3
Học kỳ 6: 13 tín chỉ BB vàTC			
1	TS392	Thực tập giáo trình chuyên môn SHB	6
2	TS379	Đánh giá & Quản lý nguồn lợi TS	3
3	TS393	Kỹ thuật nuôi cá cảnh biển	2
4	TS109	Phương pháp thí nghiệm TS	2
Học kỳ 7: 14 tín chỉ BB vàTC			
1	TS394	Quản lý dịch bệnh TS -SHB	3
2	TS302	Kỹ thuật SXG & nuôi giáp xác	3
3	TS335	Kỹ thuật SXG & nuôi cá biển	2
4	TS313	Kỹ thuật nuôi ĐVTM	2
5	TS395	Thực tập giáo trình nuôi biển	4
Học kỳ 8: 10 tín chỉ			
1	TS397	Tổng hợp kiến thức cơ sở - SHB	10
2	TS398	Tổng hợp kiến thức nuôi - SHB	
3	TS399	Tiểu luận tốt nghiệp - SHB	
4	TS400	Luận văn tốt nghiệp - SHB	

CÁC MÔN TỰ CHỌN CHO HỌC KỲ 4 VÀ 5 (sinh viên chọn 5 tín chỉ)			
1	TS140	Anh văn chuyên ngành - SHB	2
2	TS120	Phương pháp NC sinh học cá	2
3	TS141	Các môi trường biển khắc nghiệt	1
4	TS142	Năng lượng sinh học biển	1
5	TS143	Các quá trình của khí quyển và trái đất	1
6	TS319	Tảo độc	1
7	TS312	Khai thác thủy sản đại cương	2
CÁC MÔN TỰ CHỌN CHO HỌC KỲ 6 VÀ 7 (sinh viên chọn 9 tín chỉ)			
1	TS105	Quản lý chất lượng nước ao nuôi TS	3
2	TS333	Độc chất học thủy vực	2
3	TS349	Kinh tế tài nguyên thủy sản	2
4	TS334	Dược liệu thủy sản	1
5	TS396	Tập tính động vật biển	1
6	TS318	Kỹ thuật trồng rong biển	1
6	TS351	Quản lý tổng hợp vùng ven biển	2
7	TS308	Kinh tế thủy sản	2
8	TS320	Công trình & thiết bị TS	2
9	TS116	Phương pháp lãnh đạo	1
10	TS112	Vì sinh vật hữu ích	1

- **Mục tiêu:** Đào tạo kỹ sư có chuyên môn tổng quát về nuôi trồng và khai thác thủy sản; chuyên sâu về quản lý phát triển nghề cá như qui hoạch, đánh giá và bảo tồn nguồn lợi thủy sản, nuôi trồng và khai thác nguồn lợi bền vững; quản lý trang trại/doanh nghiệp thủy sản; có kỹ năng nghiên cứu.
- **Khối thi tuyển sinh:** khối A
- **Tổng số tín chỉ:** 136 tín chỉ
- **Danh hiệu khoa học:** Kỹ sư Quản lý nghề cá (Kỹ sư Quản lý & Phát triển Thủy sản)
- **Các khối kiến thức:**
 - Khối kiến thức cơ bản: gồm các môn Toán học, Sinh học, Tin học, Anh văn
 - Khối kiến thức cơ sở: Sinh lý động vật thủy sản, Quản lý chất lượng nước, Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản, Sinh học quần thể,...
 - Khối kiến thức chuyên môn: Ngư trường, Ngư cụ, Kỹ thuật khai thác thủy sản, Đánh giá và quản lý nguồn lợi thủy sản, Quy hoạch và quản lý nghề cá
 - Khối kiến thức kinh tế thủy sản: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Quản trị doanh nghiệp thủy sản, Kế toán doanh nghiệp, Kinh tế nguồn lợi thủy sản
 - Khối kiến thức bổ trợ: Thống kê và phương pháp nghiên cứu khoa học, Luật thủy sản, Chế biến thủy sản
 - Đề tài tốt nghiệp



• **Chương trình khuyến khích ngành Quản lý nghề cá**

TT	MSMH	Tên môn học	Số TC
Học kỳ 1: 16 tín chỉ BB (16 BB)			
1	ML009	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2
2	TN006	Toán cao cấp A	4
3	XH023	Anh văn căn bản 1	4
4	XH004	Pháp văn căn bản 1	
5	QP001	Giáo dục quốc phòng	6
Học kỳ 2: 20 tín chỉ BB (20 BB)			
1	ML010	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3
2	XH024	Anh văn căn bản 2	3
	XH005	Pháp văn căn bản 2	
3	TN033	Tin học căn bản	1
4	TN034	TT. Tin học căn bản	2
5	TC000	Giáo dục thể chất	1
6	TN031	Sinh học đại cương B	2
7	KL001	Pháp luật đại cương	2
8	TN010	Xác suất thống kê	3
9	KT101	Kinh tế vi mô 1	3
Học kỳ 3: 19 tín chỉ BB (19 BB)			
1	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
2	XH025	Anh văn căn bản 3	3
3	XH006	Pháp văn căn bản 3	
4	ML008	Xã hội học đại cương	2
5	TS117	Sinh lý động vật thủy sản B	2
6	TS118	Dinh dưỡng & thức ăn thủy sản B	2
7	TS101	Thủy sinh vật 1	3
8	TS103	Ngư nghiệp đại cương	2
9	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3
Học kỳ 4: 16 tín chỉ BB +TC			
1	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3
2	TC013	Bơi lội	1
3	TS134	Vật liệu & nguyên lý tính toán ngư cụ	2
4	TS147	Phương pháp NCKH-Thủy sản	2
5	TS105	Quản lý chất lượng nước ao nuôi TS	3
6	TS302	Kỹ thuật SX giống & nuôi giáp xác	3
7	TS303	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	2
Học kỳ 5: 12 tín chỉ BB +TC			
1	TS377	Ngư trường & nguồn lợi	3
2	TS133	Sinh học quần thể	2
3	TS305	Quản lý dịch bệnh thủy sản	3
4	TS148	An toàn vệ sinh thực phẩm thủy sản	2
5	TS349	Kinh tế tài nguyên thủy sản	2

Học kỳ 6: 13 tín chỉ BB +TC			
1	TS344	Marketing thủy sản	3
2	TS355	TTGT Kỹ thuật nuôi thủy sản	5
3	TS311	Quy hoạch phát triển nghề cá	3
4	TS353	Luật thủy sản	2
Học kỳ 7: 13 tín chỉ BB +TC			
1	TS378	Kỹ thuật khai thác thủy sản	4
2	TS379	Đánh giá & quản lý nguồn lợi T.Sản	3
3	TS381	TTGT Quản lý nghề cá	6
Học kỳ 8: 10 tín chỉ			
1	TS385	Tổng hợp kiến thức KThuật - QLNC	10
2	TS386	Tổng hợp kiến thức QLNC	
3	TS387	Tiểu luận tốt nghiệp – QLNC	
4	TS388	Luận văn tốt nghiệp – QLNC	

CÁC MÔN TỰ CHỌN CHO HỌC KỲ 4 VÀ 5 (sinh viên chọn 6 tín chỉ)			
1	TS135	Anh văn chuyên môn - QLNC	2
2	KT108	Nguyên lý thống kê kinh tế	3
3	KT106	Nguyên lý kế toán	3
4	TS136	Đăng kiểm tàu	1
5	TS137	Điều động tàu	1
6	TS384	Kỹ thuật hàng hải	2
CÁC MÔN TỰ CHỌN CHO HỌC KỲ 6 VÀ 7 (sinh viên chọn 11 tín chỉ)			
1	TS316	Xây dựng, thẩm định và QT dự án phát triển	3
2	TS383	Đa dạng & bảo tồn sinh vật biển	2
3	TS380	Quản trị doanh nghiệp thủy sản	2
4	TS303	Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt	2
5	TS356	Kinh tế sản xuất thủy sản	3
6	TS335	Kỹ thuật sản xuất giống & nuôi cá biển	2
7	KT345	Quản trị chất lượng sản phẩm	2
8	TS121	Phương pháp NC KT – XH nghề cá	2
9	PD302	Phân tích chính sách nông nghiệp	3
10	TS116	Phương pháp lãnh đạo	1

- **Mục tiêu:** Đào tạo cử nhân kinh tế có kiến thức chuyên về thủy sản như kinh tế trang trại thủy sản, kinh tế xã hội nghề cá, kinh tế nguồn lợi thủy sản; quản lý cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thủy sản; có kỹ năng nghiên cứu, quản lý và tư vấn trong các lĩnh vực kinh tế thủy sản
- **Khối thi tuyển sinh:** khối A.
- **Tổng số tín chỉ:** 136 tín chỉ
- **Danh hiệu khoa học:** Cử nhân kinh tế - chuyên ngành Kinh tế thủy sản
- **Các khối kiến thức:**
 - Khối kiến thức cơ bản: gồm các môn Toán học, Tin học, Anh văn
 - Khối kiến thức chuyên môn: Kinh tế vi mô và vĩ mô, Tài chính, kế toán và quản trị doanh nghiệp thủy, Marketing sản phẩm thủy sản, Kinh tế nguồn lợi thủy sản, Kinh tế xã hội nghề cá, Phương pháp nghiên cứu kinh tế
 - Khối kiến thức bổ trợ: Nuôi trồng thủy sản, Khai thác thủy sản, Chế biến thủy sản, Thống kê và phương pháp nghiên cứu khoa học, Luật thủy sản, Quy hoạch và quản lý nghề cá.
 - Đề tài tốt nghiệp



• **Chương trình khuyến khích ngành Kinh tế thủy sản**

TT	MSMH	Tên môn học	Số TC
Học kỳ 1: 13 tín chỉ (13 BB)			
1	ML009	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2
2	KT010	Toán kinh tế 1	2
3	XH023	Anh văn căn bản 1	4
4	XH004	Pháp văn căn bản 1	
4	KL001	Pháp luật đại cương	2
5	TN033	Tin học căn bản	1
6	TN034	TT. Tin học căn bản	2
Học kỳ 2: 16 tín chỉ BB			
1	ML010	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3
2	XH024	Anh văn căn bản 2	3
3	XH005	Pháp văn căn bản 2	
4	TC000	Giáo dục thể chất	1
5	QP001	Giáo dục quốc phòng	6
6	TN010	Xác suất thống kê	3
Học kỳ 3: 17 tín chỉ BB			
1	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
2	XH001	Anh văn căn bản 3	3
3	XH004	Pháp văn căn bản 3	
4	KT101	Kinh tế vi mô 1	3
5	KT106	Nguyên lý kế toán	3
6	KT108	Nguyên lý thống kê kinh tế	3
7	TS345	Khai thác thủy sản	3
Học kỳ 4: 18 tín chỉ BB + ...TC			
1	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3
2	TC013	Bơi lội	1
3	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3
4	KT111	Tài chính - Tiền tệ	3
5	NN385	Nông nghiệp đại cương	3
6	KT107	Toán kinh tế 2	2
7	TS346	Nuôi trồng thủy sản	3
Học kỳ 5: 16 tín chỉ BB +TC			
1	KT113	Kinh tế lượng	3
2	KT341	Kế toán tài chính 1	3
3	TS347	Chế biến thủy sản	3
4	TS349	Kinh tế tài nguyên thủy sản	2
5	KT103	Quản trị học	3
6	KL369	Luật kinh tế	2
Học kỳ 6: 15 tín chỉ BB +TC			
1	TS356	Kinh tế sản xuất thủy sản	3
2	TS147	Phương pháp NCKH thủy sản	2
3	TS121	Phương pháp NC KT – XH Nghề cá	2
4	KT104	Marketing căn bản	3

5	TS144	TT.Giáo trình kỹ thuật thủy sản	2
6	PD302	Phân tích chính sách nông nghiệp	3
Học kỳ 7: 13 tín chỉ BB +TC			
1	TS316	XD, thẩm định và quản trị dự án phát triển	3
2	TS352	TT.G.trình K.tế T.sản	4
3	TS311	Qui hoạch phát triển nghề cá	3
4	TS344	Marketing thủy sản	3
Học kỳ 8: 10 tín chỉ			
1	TS357	Tổng hợp kiến thức kỹ thuật T.Sản	10
2	TS358	Tổng hợp kiến thức Kinh tế	
3	TS359	Tiểu luận tốt nghiệp - Kinh tế TS	
4	TS360	Luận văn tốt nghiệp - Kinh tế TS	
PHẦN TỰ CHỌN			
Khối kiến thức Giáo dục đại cương: Tự chọn 2 TC trong HK2 và HK 3			
1	ML008	Xã hội học đại cương	2
2	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
3	ML007	Logic học đại cương	2
4	XH007	Tâm lý học đại cương	2
Khối kiến thức Cơ sở ngành: Tự chọn 3 TC trong HK4 và HK 5			
1	KT363	Quản trị văn phòng	2
2	TS116	Phương pháp lãnh đạo	1
3	TS122	Anh văn chuyên môn - KTTS	2
4	KT115	Kinh tế phát triển	3
Khối kiến thức Chuyên ngành: Tự chọn 11 TC trong HK5, HK6 và HK7			
1	KT329	Thị trường chứng khoán	3
2	KT306	Kinh tế lao động	3
3	KT114	Kinh tế công cộng	3
4	KT377	Thương mại điện tử	2
5	KT345	Quản trị chất lượng sản phẩm	2
6	KT308	Quản trị tài chính	3
7	KT330	Thuế	3
8	KT393	Phân tích hoạt động kinh doanh	3

- **Mục tiêu:** Mục tiêu của chương trình là nhằm đào tạo học viên đã tốt nghiệp Cao Đẳng lên Đại học cùng ngành.
- **Thi tuyển đầu vào:** Thí sinh đã tốt nghiệp Cao đẳng sẽ đăng ký và thi 2 môn là môn cơ sở (Sinh lý động vật thủy sản) và môn chuyên môn (Kỹ thuật nuôi thủy sản)
- **Tổng số tín chỉ:** 54 tín chỉ
- **Danh hiệu khoa học:** Kỹ sư Nuôi trồng thủy sản
- **Các khối kiến thức:**
 - Khối kiến thức cơ sở: Gồm các môn Sinh lý, Dinh dưỡng và thức ăn, Quản lý chất lượng nước, Bệnh học thủy sản
 - Khối kiến thức chuyên môn: Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt, Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt, Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thủy sản nước lợ, Thực tập chuyên ngành.
 - Đề tài tốt nghiệp



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Chương trình tiên tiến ngành Nuôi trồng thủy sản

- **Mục tiêu:** Nhằm đào tạo kỹ sư có kiến thức chuyên môn về sản xuất giống và nuôi thủy sản, có kỹ năng tiếng Anh giỏi, có cơ hội tốt để tiếp cận và học tập chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, có khả năng nghiên cứu và làm việc ở các cơ quan nước ngoài.
- **Khối thi tuyển sinh:** Tất cả sinh viên đã trúng tuyển Đại học Cần Thơ các ngành thuộc khối B hay A, sau khi thi Tiếng Anh (TOEIC) đạt điểm tốt đều có thể đăng ký để được tuyển chọn vào học Chương trình tiên tiến ngành Nuôi trồng Thủy sản.
- **Tổng số tín chỉ:** 135 tín chỉ
- **Danh hiệu khoa học:** Kỹ sư Nuôi trồng thủy sản – Chương trình tiên tiến
- **Các khối kiến thức:** (theo chương trình của Đại học Auburn)
 - Tiếng Anh tăng cường
 - Kiến thức cơ bản: Toán học, Sinh học, Hóa học, Tin học
 - Kiến thức cơ sở: Nguyên lý nuôi trồng thủy sản, Khoa học môi trường nước, Ao hồ học, Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản...
 - Kiến thức chuyên ngành: Sản xuất thủy sản, Nuôi giáp xác và nhuyễn thể, Quản lý trại giống, Bệnh học thủy sản...
 - Luận văn tốt nghiệp
- **Ngôn ngữ học tập và giao tiếp:** Tiếng Anh
- **Giảng viên:** Quốc tế (Đại học Auburn – Hoa Kỳ) và trong nước



- **Mục tiêu:** Nhằm đào tạo cán bộ kiến thức chuyên môn sâu về nuôi trồng thủy sản, có khả năng nghiên cứu khoa học độc lập, tiếp cận và làm việc hiệu quả trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản.
- **Khối thi tuyển sinh:** Cán bộ và học viên đã tốt nghiệp Đại học ngành Nuôi trồng thủy sản. Học viên các ngành Nông học, môi trường, nông nghiệp khác phải học thêm một số tín chỉ bắt buộc trước khi thi tuyển vào Cao học Nuôi trồng thủy sản. Tất cả học viên phải thi 3 môn đầu vào là (1) Toán thống kê, (2) Tiếng Anh, (3) Môn cơ sở Thủy sản .
- **Danh hiệu khoa học:** Thạc sĩ Nuôi trồng thủy sản
- **Các khối kiến thức:**
 - Khối kiến thức cơ sở: Sinh lý động vật thủy sản, Quản lý chất lượng nước, Di truyền và chọn giống thủy sản, Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản
 - Khối kiến thức chuyên môn: Sản xuất giống cá nước ngọt nân cao, Nuôi cá nước ngọt, Nuôi thủy sản ven biển, Sản xuất giống thủy sản nước lợ nâng cao, Bệnh học thủy sản, Quy hoạch và quản lý nghề cá
 - Khối kiến thức hỗ trợ: Phương pháp giáo dục học Đại học, Triết học, Ngoại ngữ, Thống kê sinh học, Phương pháp nghiên cứu khoa học, Kinh tế thủy sản.
 - Luận án tốt nghiệp



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

Chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản lợ - mặn và nước ngọt

- **Mục tiêu:** Nhằm đào tạo cán bộ có trình độ chuyên sâu, có khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn trong quá trình làm việc, có năng lực tự nghiên cứu độc lập và tổ chức nghiên cứu.
- **Ngành đào tạo:** Gồm 2 chuyên ngành: Nuôi trồng thủy sản nước lợ - mặn và Nuôi trồng thủy sản nước ngọt.
- **Tuyển sinh:** Học viên đã tốt nghiệp cao học ngành Nuôi trồng thủy sản, hoặc ngành Quản lý môi trường và nguồn lợi thủy sinh, sẽ đăng ký và thi 2 môn gồm môn Nuôi trồng thủy sản và Bảo vệ đề cương nghiên cứu.
- **Danh hiệu khoa học:** Tiến sĩ chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản nước lợ- mặn hoặc Tiến sĩ chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản nước ngọt.
- **Khối kiến thức học:**
 - Có 2-3 bài báo đăng ở tạp chí khoa học
 - Chuyên đề nghiên cứu sinh: 3 chuyên đề
 - Luận án tốt nghiệp

THÀNH TỰU TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ là hoạt động quan trọng của Khoa Thủy sản. Các hướng nghiên cứu chính bao gồm:

Nghiên cứu sinh học và sinh lý động vật thủy sản: Tập trung vào lĩnh vực sinh học sinh sản, tập tính dinh dưỡng, khả năng thích ứng môi trường của các loài thủy sản có giá trị kinh tế như cá tra, các loài cá đồng, tôm sú, tôm càng xanh

Nghiên cứu độc tố học: Các nghiên cứu tập trung trên lĩnh vực đánh giá độc tố môi trường, cơ chế phản ứng và thích nghi của tôm cá đối với độc tố, cũng như sự tồn lưu của các chất trong tôm cá và môi trường, đặc biệt là ảnh hưởng các hóa chất, kháng sinh và thuốc trừ sâu lên tôm cá.

Nghiên cứu dinh dưỡng và thức ăn thủy sản: Nghiên cứu nhu cầu dinh dưỡng và chế biến thức ăn dựa vào các nguyên liệu địa phương cho các loài cá nuôi, đặc biệt là cá tra, ba sa, và các loài cá đồng như cá lóc, cá rô, thát lát.

Nghiên cứu môi trường và nguồn lợi thủy sản: Các nghiên cứu đánh giá tính đa dạng sinh học, chỉ thị sinh học, biến động nguồn lợi, di cư của cá, cũng như động thái môi trường ở các thủy vực như ao, sông, ruộng, rừng ngập mặn, vườn quốc gia và vùng ven biển ĐBSCL

Nghiên cứu kinh tế xã hội và quản lý nghề cá: Các nghiên cứu tập trung đánh giá hiện trạng và tác động của nghề nuôi và khai thác thủy sản lên kinh tế xã hội và biện pháp quản lý – phát triển bền vững.

Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản: Các nghiên cứu tập trung phát triển qui trình kỹ thuật và ứng dụng kỹ thuật mới trong sản xuất giống và nuôi các đối tượng thủy sản kinh tế quan trọng, cả cá bản địa và cá nhập nội, như cá chép, cá tra, ba sa, các loài cá đồng, tôm càng xanh, tôm sú, cua biển...

Nghiên cứu bệnh học thủy sản: Các nghiên cứu tập trung vào lĩnh vực chẩn đoán, phòng ngừa bệnh, vaccine trên các loài tôm cá nuôi, đặc biệt là bệnh virus trên tôm sú, bệnh vi khuẩn trên cá tra.

Các nghiên cứu được thực hiện trong khuôn khổ các đề tài các cấp khác nhau như đề tài cấp Trường, cấp Tỉnh, cấp Bộ (Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Nông nghiệp – PTNT, Bộ Khoa học – Công nghệ), cấp Nhà nước và đề tài hợp tác quốc tế.

Thành tựu trong chuyển giao công nghệ

Từ các kết quả nghiên cứu cũng như ứng dụng các kỹ thuật mới trong và ngoài nước, Khoa Thủy sản đã luôn đẩy mạnh hoạt động tập huấn chuyển giao công nghệ cho cán bộ và nông dân các tỉnh ĐBSCL cũng như các nước. Các khóa tập huấn – chuyển giao công nghệ chủ yếu gồm:

- Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi các loài thủy sản nước ngọt như: cá tra, các loài cá đồng, tôm càng xanh...
- Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi các loài thủy sản nước lợ mặn như tôm sú, cua biển...
- Kỹ thuật nuôi thức ăn tươi sống như Artemia, luân trùng, tảo
- Kỹ thuật phân tích nước và nguồn lợi thủy sản
- Kỹ thuật phân tích dinh dưỡng và chế tạo thức ăn nuôi thủy sản
- Kỹ thuật phân tích và chẩn đoán bệnh thủy sản (như virus bệnh đốm trắng, đầu vàng, MBV ở tôm sú; bệnh vi khuẩn ở cá tra)



HỢP TÁC

Hợp tác trong nước

Khoa Thủy sản có liên kết và hợp tác chặt chẽ với các cơ quan các tỉnh địa phương, đặc biệt là các tỉnh ĐBSCL trong công tác nghiên cứu và đào tạo nhân lực, đáp ứng nhu cầu của địa phương.

Khoa cũng hợp tác chặt chẽ với các Viện, Trường như:

- Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 1
- Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 2
- Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 3
- Khoa Thủy sản - Trường Đại học Nha Trang
- Khoa Thủy sản - Trường Đại học Nông Lâm

Hợp tác quốc tế

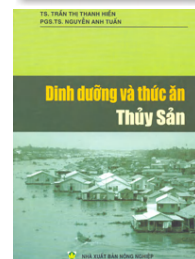
- Asian Institute of Technology (AIT)
- University Malaysia Terengganu (UMT-Malaysia),
- Japan International Research Center for Agricultural Sciences (JIRCAS – Japan)
- Ghent University (Belgium)
- Wageningen University (The Netherlands),
- Res. Inst. for Fish Culture and Irrigation (Hungary)
- University of Aarhus (Denmark)
- Stirling University (Scotland)
- Auburn University (USA)
- Michigan State University (MSU – USA)
- European Union (EU)
- Network of Aquaculture in Asia and Pacific (NACA)
- Food and Agriculture Organization (FAO).

XUẤT BẢN VÀ ẢN PHẨM

Xuất bản các công trình nghiên cứu và in ấn giáo trình, sách tham khảo là hoạt động rất tích cực của Khoa. Hàng năm, có trên 60 bài báo khoa học về các lĩnh vực khác nhau được đăng ở các tạp chí trong và ngoài nước. Các ấn phẩm chính được xuất bản trong các năm qua như sau:

- 1) Phạm Minh Thành và Nguyễn Văn Kiêm, 2009. Cơ sở khoa học và kỹ thuật sản xuất giống cá. Nhà xuất bản Nông Nghiệp – TP HCM, 213 trang.
- 2) Trần Thị Thanh Hiền và Nguyễn Anh Tuấn, 2009. Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản. Nhà xuất bản Nông Nghiệp – TP HCM, 183 trang.
- 3) Trần Ngọc Hải, Nguyễn Thanh Phương, 2009. Nguyên lý và kỹ thuật nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*). Nhà xuất bản Nông Nghiệp – TP HCM, 203 trang
- 4) Trương Quốc Phú, 2006. Giải phẫu học động vật thân mềm. Nhà xuất bản Nông Nghiệp – TP HCM.
- 5) Nguyễn Thanh Phương, Trần Ngọc Hải, Trần Thị Thanh Hiền, Marcy N Wilder, 2003. Nguyên lý và kỹ thuật sản xuất giống tôm càng xanh. Nhà xuất bản Nông Nghiệp – TP HCM. 178 trang.

Các sách và giáo trình này hiện có bán tại Thư Viện Khoa Thủy sản.



HOẠT ĐỘNG ĐOÀN VIÊN – THANH NIÊN SINH VIÊN

- Đoàn Khoa Thủy sản được tái thành lập theo Quyết định số 33-QĐTC/ĐTN ngày 22/11/2002 của Ban Thường vụ Đoàn Trường Đại học Cần Thơ.
- Hiện nay, Đoàn Khoa có 1287 Đoàn viên (ĐV nam: 681; ĐV nữ: 606).
- Số chi đoàn trực thuộc: 30 (CBCC: 02)
- Tổng số cán bộ Đoàn: 90
- Đảng viên sinh viên: 11 (nam: 05; nữ: 06)
- Ban chấp hành Đoàn Khoa
 - Bí thư: Mai Viết Văn
 - Phó Bí thư: Nguyễn Văn Triều
Nguyễn Thế Diễn
- Các hoạt động chủ yếu:
 - Văn nghệ - thể thao
 - Công tác xã hội
 - Học thuật
 - Nghiên cứu khoa học sinh viên
 - Sinh hoạt tư tưởng
 - Bồi dưỡng đoàn viên ưu tú giới thiệu Đảng

THÔNG TIN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Diện tích: 1.401,6 km²

Dân số: 1.139,9 nghìn người (năm 2006)

Các quận, huyện:

- Quận: Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng, Thốt Nốt, Ô Môn.
- Huyện: Phong Điền, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh, Thới Lai.

Dân tộc: Việt (Kinh), Khmer, Hoa, Chăm...

Điều kiện tự nhiên

Thành phố Cần Thơ nằm ở trung tâm Đồng Bằng Sông Cửu Long, giữa một mạng lưới sông ngòi kênh rạch. Cần Thơ tiếp giáp với 5 tỉnh: phía bắc giáp An Giang và đông bắc giáp Đồng Tháp, phía nam giáp Hậu Giang, phía tây giáp Kiên Giang, phía đông giáp Vĩnh Long.



Cần Thơ có nhiều hệ thống sông ngòi kênh rạch như sông Hậu, sông Cần Thơ, kênh Thốt Nốt, rạch Ô Môn... Khí hậu Cần Thơ điều hoà dễ chịu, ít bão. Quanh năm nóng ẩm, không có mùa lạnh. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 tới tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình là 27°C.

Tiềm năng phát triển kinh tế và du lịch

Thành phố Cần Thơ có 3 bến cảng có thể tiếp nhận tàu trên 10.000 tấn phục vụ cho việc xếp nhận hàng hóa dễ dàng. Từ xa xưa Cần Thơ đã được coi là trung tâm lúa gạo của miền Tây Nam bộ, hiện nay là một trong những nơi sản xuất và xuất khẩu gạo chính của cả nước.

Với đất đai phì nhiêu, bên cạnh thế mạnh về cây lúa và cây ăn quả các loại, Cần Thơ còn có nguồn thủy sản khá phong phú, chủ yếu tôm cá nước ngọt và chăn nuôi: lợn, gà, vịt. Các ngành công nghiệp hiện có chủ yếu là điện năng (nhà máy điện Trà Nóc, 33.000 kw); kỹ thuật điện, điện tử, hoá chất, may, da và chế biến nông sản, thủy sản... là thế mạnh của tỉnh.

Địa danh Cần Thơ có xuất xứ từ tên “cầm thi giang” (sông thơ, đàn) cho thấy đây là vùng văn hoá sông nước. Con sông gắn liền với mọi hoạt động kinh tế, văn hoá cư dân. Nét độc đáo tự nhiên và kiến trúc đô thị của Cần Thơ là mạng lưới kênh rạch. Kênh rạch cũng là "đường phố", nó mang vẻ đẹp cho một đô thị lớn từng được mệnh danh là Tây Đô. Cần Thơ lại có vẻ đẹp bình dị nên thơ của làng quê sông nước, dân cư tập trung đông đúc, làng xóm trù phú núp dưới bóng dừa. Cần Thơ nổi tiếng với bến Ninh Kiều, vườn cò Bằng Lăng.

Thành phố Cần Thơ tập trung nhiều cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học - công nghệ. Đã từ lâu, nơi đây là trung tâm kinh tế - văn hoá của các tỉnh miền Tây Nam Bộ.

Dân tộc, tôn giáo

Cần Thơ có nhiều nét đặc sắc, độc đáo của văn hoá đồng bằng Nam Bộ được kết hợp hài hoà các sắc thái văn hoá truyền thống của người Việt, Khmer, Hoa...

Giao thông

Cần Thơ cách Vĩnh Long 34km, Long Xuyên 62km, Sóc Trăng 63km, Mỹ Tho 104km, Rạch Giá 116km, Châu Đốc 117km, thành phố Hồ Chí Minh 169km và Cà Mau 179km.

Đường bộ: Các tuyến đường lớn chạy qua tỉnh là quốc lộ 1A, quốc lộ 91 đi An Giang; quốc lộ 80 đi Kiên Giang. Bến xe buýt cách trung tâm thành phố khoảng 2km về phía tây bắc, dọc theo đường Nguyễn Trãi.

Đường thủy: Cần Thơ là trung tâm giao thông thủy bộ của cả vùng Nam bộ, nối liền với Cam-pu-chia. Thành phố có cảng quốc tế Cái Cui khá lớn tiếp nhận tàu 5.000 tấn.

Đường không: Sân bay Trà Nóc.

Nguồn thông tin:

http://www.vietnamtourism.com/v_pages/country/province.asp

THÔNG TIN THỦY SẢN VIỆT NAM

Kết quả khai thác và nuôi trồng thủy sản Việt Nam qua các năm.

Năm	Tổng sản lượng thủy sản (tấn)	Sản lượng khai thác hải sản (tấn)	Sản lượng nuôi thủy sản (tấn)	Giá trị xuất khẩu (1.000 USD)	Tổng số tàu thuyền (chiếc)	Diện tích mặt nước NTTS (ha)	Số lao động nghề cá (1.000 người)
1990	1.019.000	709.000	310.000	205.000	72.723	491.723	1.860
1991	1.062.163	714.253	347.910	262.234	72.043	489.833	2.100
1992	1.097.830	746.570	351.260	305.630	83.972	577.538	2.350
1993	1.116.169	793.324	368.604	368.435	93.147	600.000	2.570
1994	1.211.496	878.474	333.022	458.200	93.672	576.000	2.810
1995	1.344.140	928.860	415.280	550.100	95.700	581.000	3.030
1996	1.373.500	962.500	411.000	670.000	97.700	585.000	3.120
1997	1.570.000	1.062.000	481.000	776.000	71.500	600.000	3.200
1998	1.668.530	1.130.660	537.870	858.600	71.799	626.330	3.350
1999	1.827.310	1.212.800	614.510	971.120	73.397	630.000	3.380
2000	2.003.000	1.280.590	723.110	1.478.609	79.768	652.000	3.400
2001	2.226.900	1.347.800	879.100	1.777.485	78.978	887.500	
2002	2.410.900	1.434.800	976.100	2.014.000	81.800	955.000	
2003	2.536.361	1.426.223	1.110.138	2.199.577	83.122	902.229	
2004	3.073.600	1.923.500	1.150.100	2.400.781	85.430	902.900	
2005	3.432.800	1.995.400	1.437.400	2.738.726	90.880	959.900	
2006	3.695.927	2.001.656	1.694.271	3.357.960		1.050.000	

Nguồn số liệu :

http://www.fistenet.gov.vn/details.asp?Object=49&news_ID=6124705

CÁC WEBSITE THỦY SẢN QUAN TRỌNG

Website Tiếng Việt

1. Khoa Thủy Sản – ĐHCT <http://www.ctu.edu.vn/colleges/aquaculture/>
2. Mekongfish <http://www.mekongfish.net.vn>
3. Trung tâm tin học TS VN <http://www.fistenet.gov.vn/>
4. Thủy sản Việt Nam <http://www.thuysanvietnam.com.vn/>
5. Hiệp hội Chế biến và XK TS Việt Nam <http://www.vasep.com.vn/>
6. Thư viện giáo trình điện tử - Bộ GD-ĐT <http://ebook.edu.net.vn/>

Website Tiếng Anh

AQUACULTURE & FISHERIES SOCIETIES (*information; conferences; publications; magazines*)

Asian Fisheries Society	www.asianfisheriessociety.org
World Aquaculture Society	www.was.org
FAO	www.fao.org

AQUACULTURE MAGAZINES AND NEWSLETTERS (*information; equipment; services; consultants*)

Aquaculture Asia	www.naca.org
Aquaculture Magazine	www.aquaculturemag.com
Fish Farming International	velo.mitrovich@informa.com
INFOFISH International	www.infofish.org
World Shrimp Farming	www.shrimpnews.com
SEAFDEC	http://www.seafdec.org.ph
Worldfishcenter	http://www.worldfishcenter.org

INTERNATIONAL JOURNALS

	http://www.blackwell-synergy.com/
	http://www.oaresciences.org/en/
	http://www.sciencedirect.com/
	http://www.aginternetwork.org/
	http://www.springerlink.com

GLOSSARY

FAO aquaculture glossary	www.fao.org/fi/glossary/aquaculture
Fishbases	http://www.fishbase.org

FACT SHEETS and E-BOOKS

SRAC FACT SHEETS	http://srac.tamu.edu/
FAO Aquaculture Fact Sheets	http://www.fao.org/fi/website/FISearch.do?dom=culturespecies

